TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2020.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 8/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT: Số 05, thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đội 9, thôn Đ, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Đỗ Thế D**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT: Số 05, thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh HD; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Chị H và anh D đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị H trình bày:* Chị và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2016 tại UBND xã AB, huyện NS, tỉnh HD. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi du học tại Nhật Bản, vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 11/2018 chị về Việt Nam sinh con, tháng 5/2019 chị sang Nhật để gia hạn visa và đoàn cùng chồng nhưng không

được nên tháng 7/2019 chị về Việt Nam, từ đó đến nay vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh D không quan tâm đến mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thế M N, sinh ngày 21/01/2019, hiện con đang ở cùng chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Nhật Bản vì vợ chồng không liên lạc từ năm 2019.

- *Ông Đỗ Thế L và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ anh D) đều trình bày*: Anh D, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2016, sau khi kết hôn anh chị sống cùng với ông bà một thời gian thì anh D đi du học tại Nhật Bản, sau đó một năm chị H cũng sang Nhật Bản ở cùng anh D. Cuối năm 2018, chị H về Việt Nam sinh con và ở cùng bố mẹ đẻ, sau đó tiếp tục sang Nhật để gia hạn visa đoàn tụ cùng anh D nhưng không gia hạn được nên chị H về nước và ở hẳn bên ngoại, chị H không về ở gia đình ông bà, ngày lễ, Tết cũng không thăm hỏi. Qua gọi điện cho anh D thì ông bà được biết anh chị có mẫu thuẫn, nguyên nhân cụ thể ông bà không nắm bắt được. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông bà đã thông báo qua điện thoại cho anh D biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh D không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án, nhưng có ý kiến nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung anh D đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên anh D và ông bà cũng không đề nghị giải quyết.

Tại công văn số 7929/QLXNC-P5 ngày 01/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định anh Đỗ Thế D, CMND: 142266381, khai địa chỉ thường trú tại: AB, NS, tỉnh HD xuất cảnh lần cuối ngày 07/5/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa

chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Anh Đỗ Thế D là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh D vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị H cũng như bố mẹ đẻ anh D cung cấp địa chỉ của anh D nhưng không có kết quả, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình anh D là ông Đỗ Thế L và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của anh D) và đã yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ của anh D tại nước ngoài tuy nhiên ông bà không cung cấp được, do vậy Tòa án đã tống đạt những văn bản tố tụng cho anh D thông qua ông Lộc và bà Loan, ông bà đã thông báo nội dung văn bản cho anh D là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2016 tại UBND xã AB, huyện NS, tỉnh HD. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh D tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, bất đồng về quan điểm sống nên mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị cũng không muốn níu kéo thêm cuộc sống chung mà làm đơn xin ly hôn anh D; thông qua ông Lộc và bà Loan là bố mẹ đẻ anh D cho biết quan điểm anh D cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn từ

lâu, nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Thế M N, sinh ngày 21/01/2019, hiện đang được chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Quan điểm của chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét nguyện vọng của chị H xin được nuôi con thì thấy: hiện tại anh D đang ở nước ngoài, con chung của anh chị hiện vẫn còn nhỏ và đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay vẫn cần sự chăm sóc của người mẹ, gia đình anh D cũng nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi con. Do vậy cần giao con Đỗ Thế M N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Thế D.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Đỗ Thế M N, sinh ngày 21/01/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đỗ Thế D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002662 ngày 15/5/2020 của Cục thi hành án

dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh D đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã AB, huyện NS, tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang